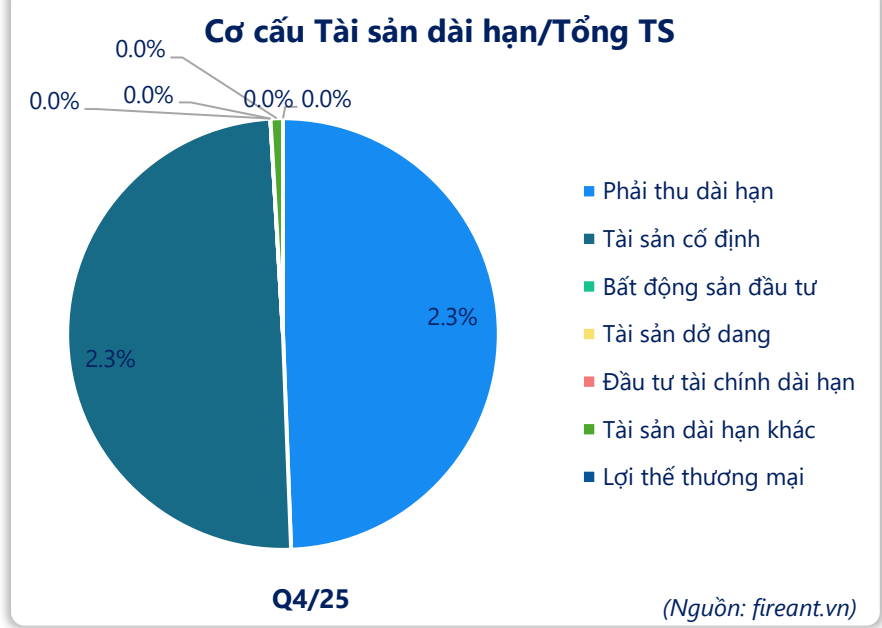
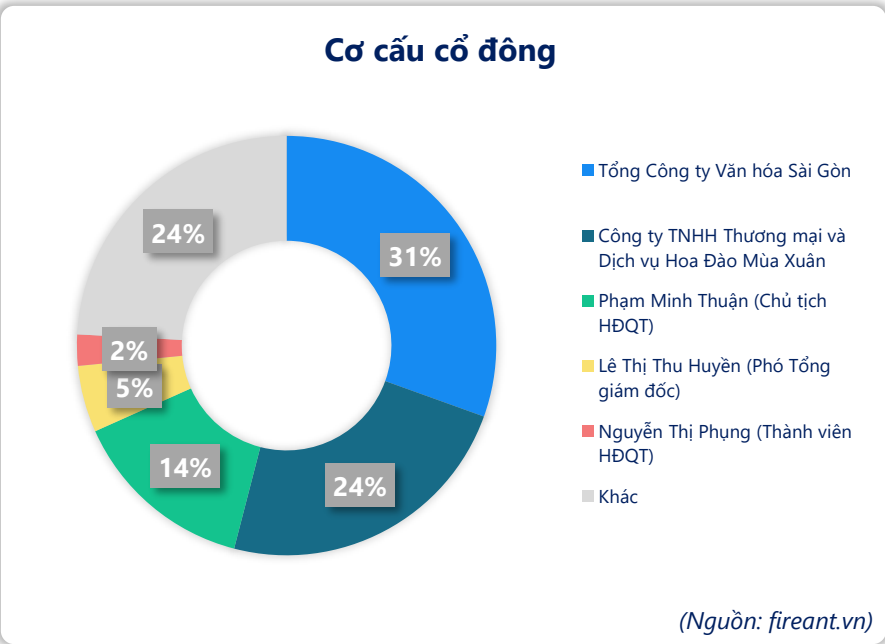
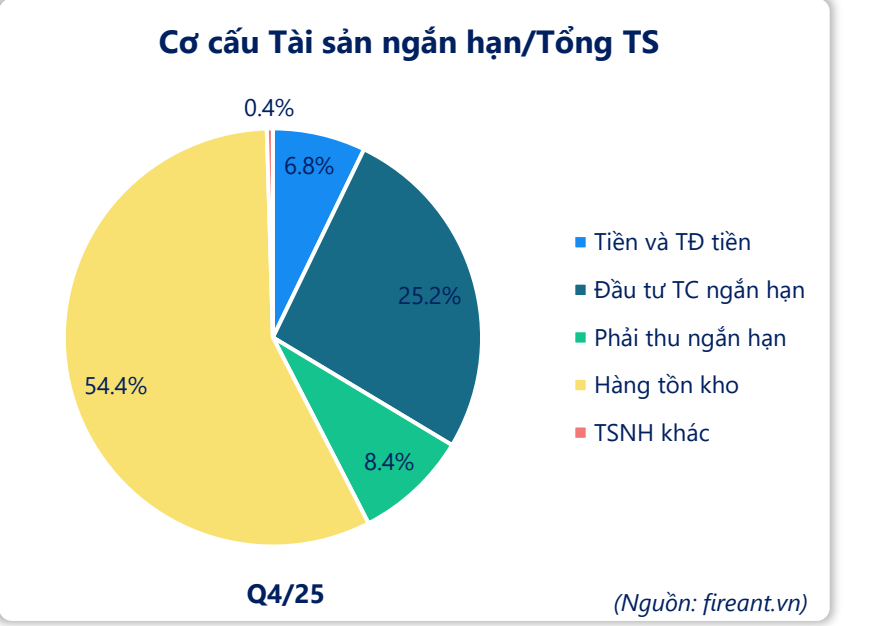
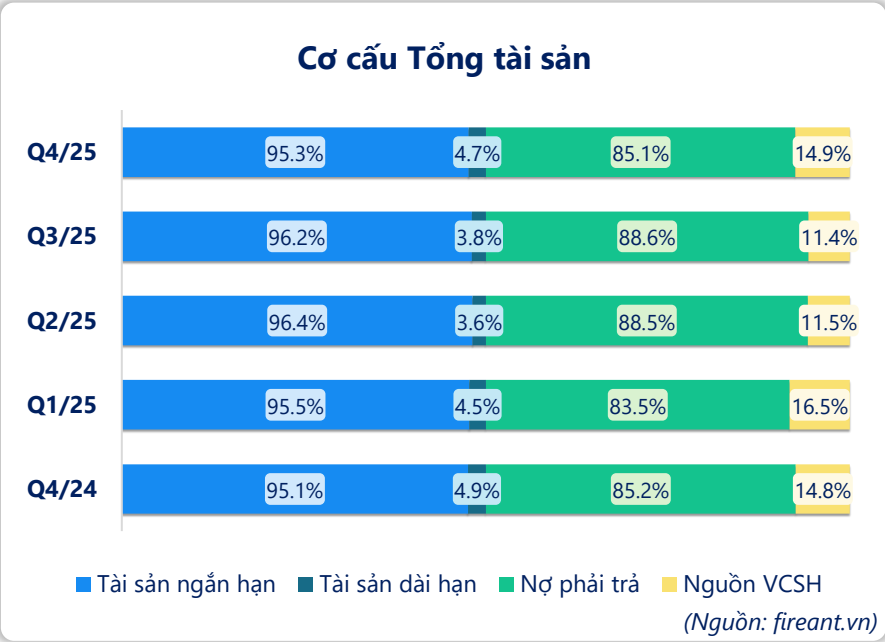
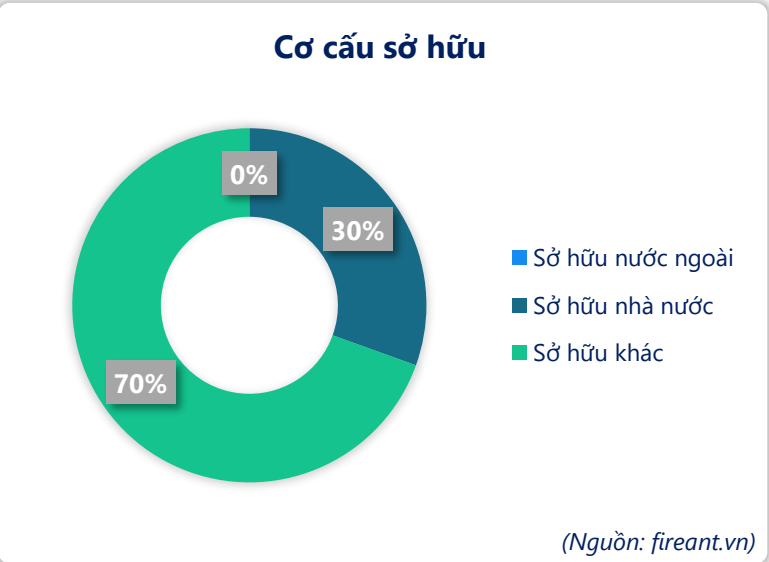
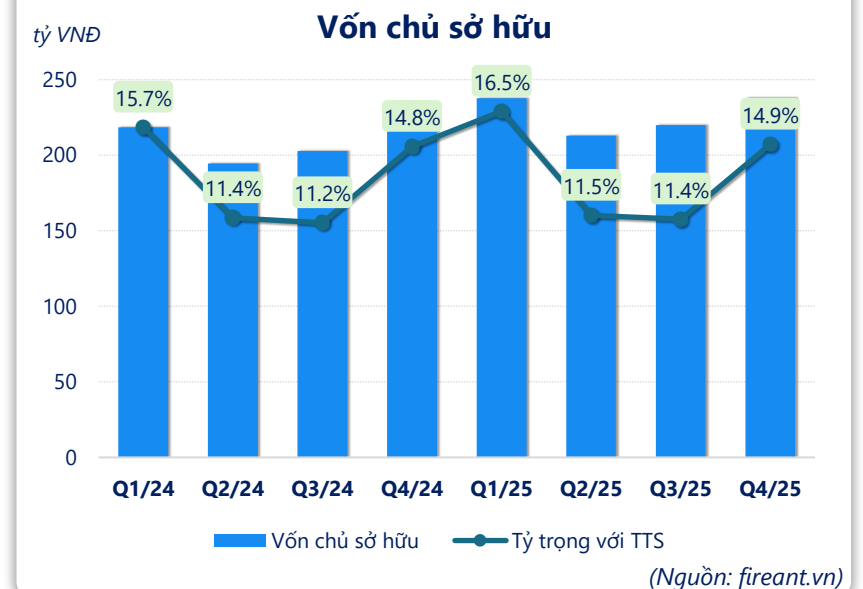
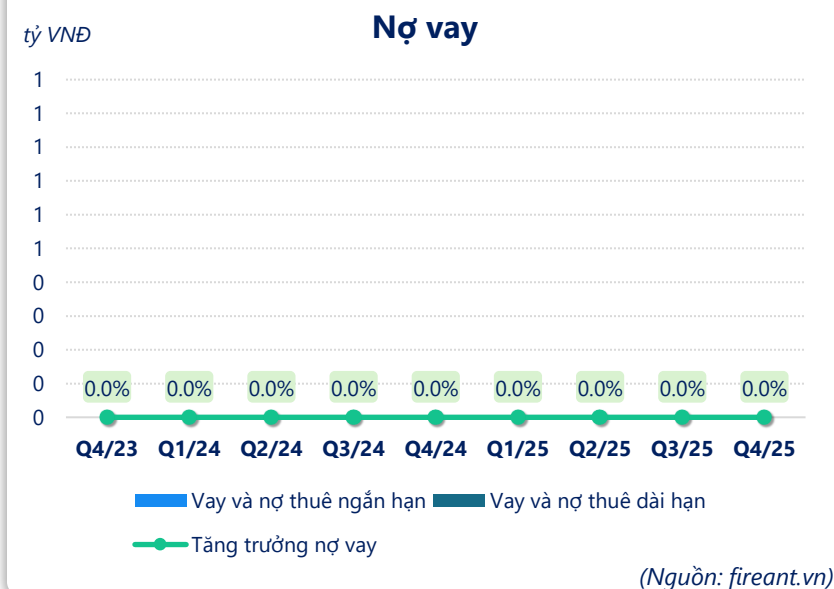
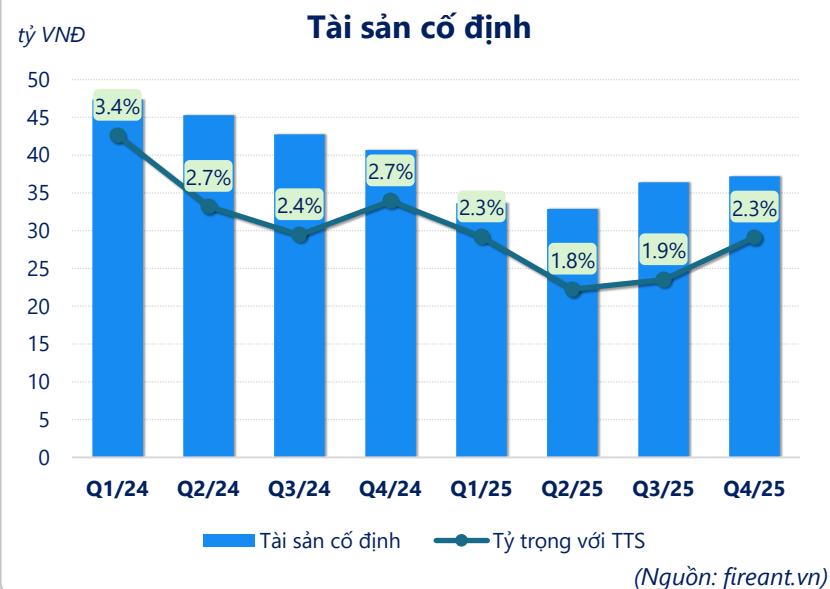
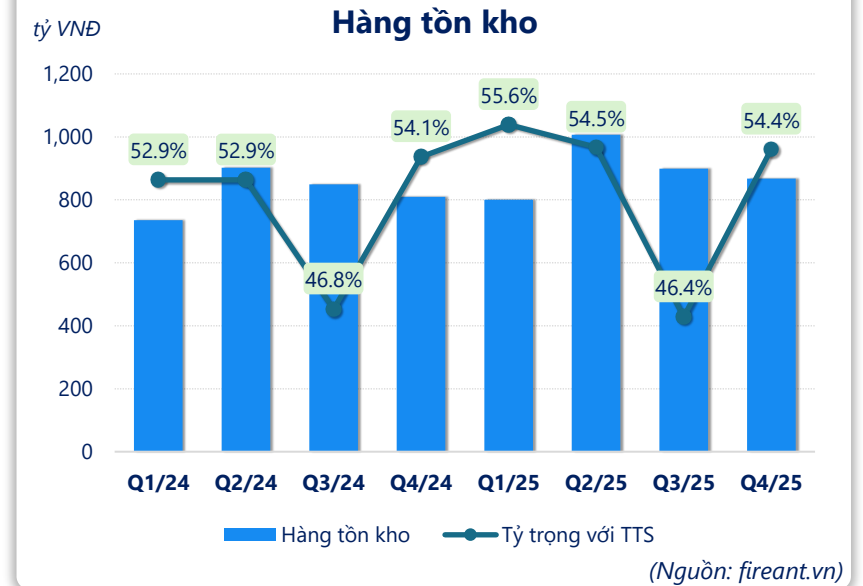
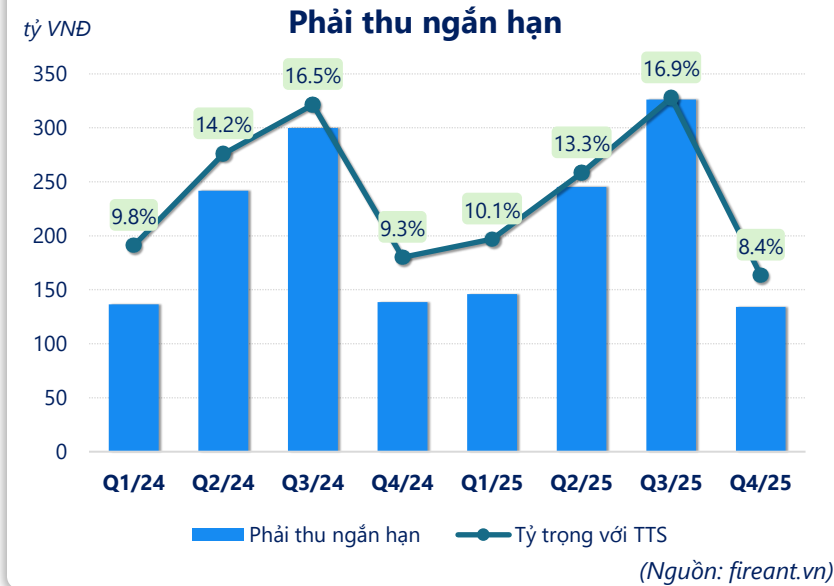
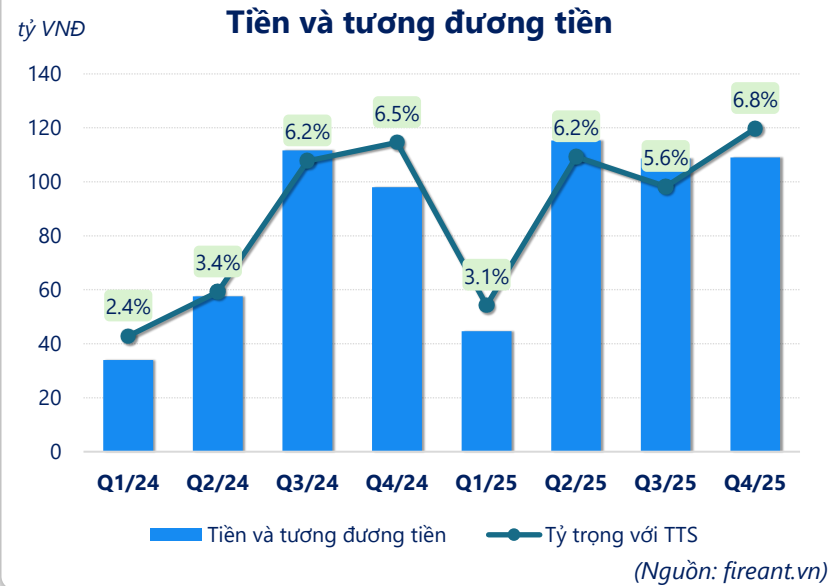
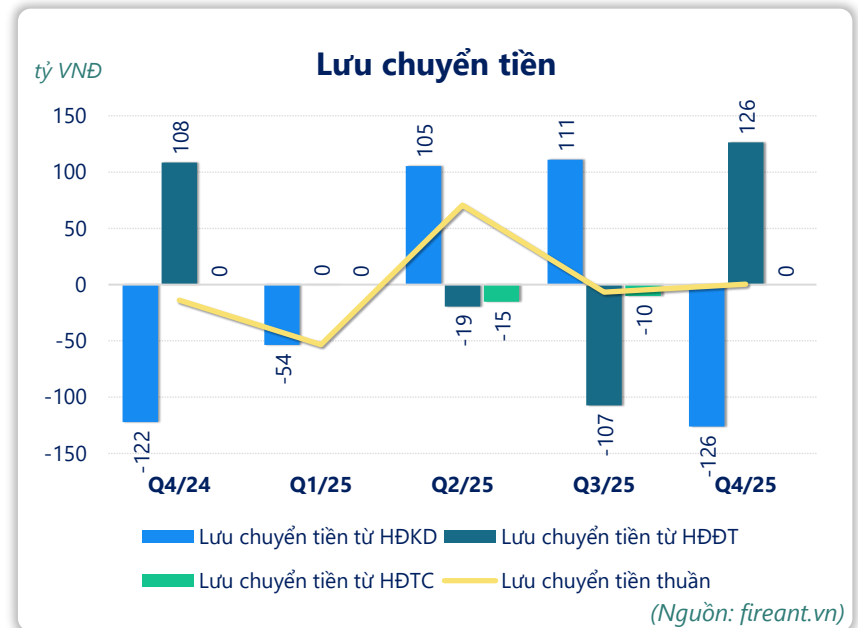
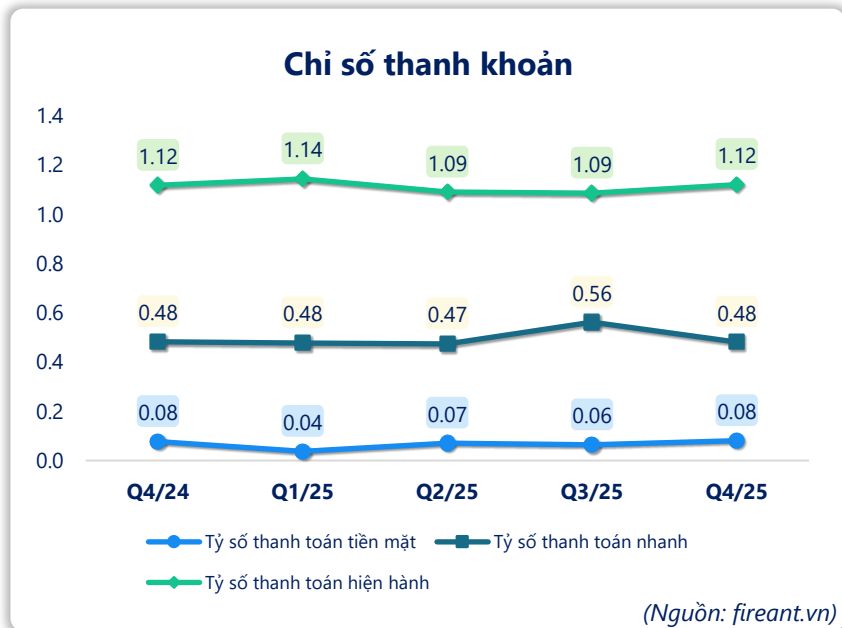
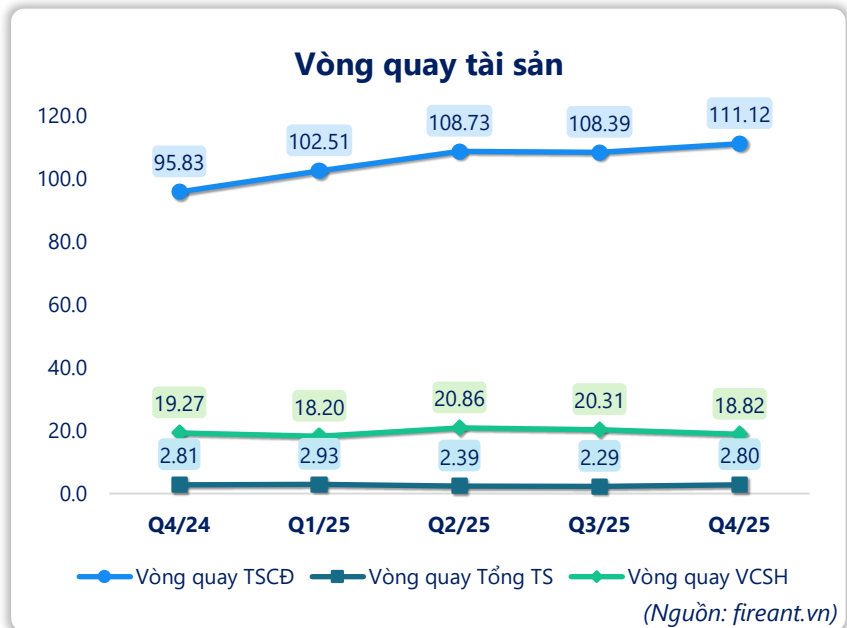
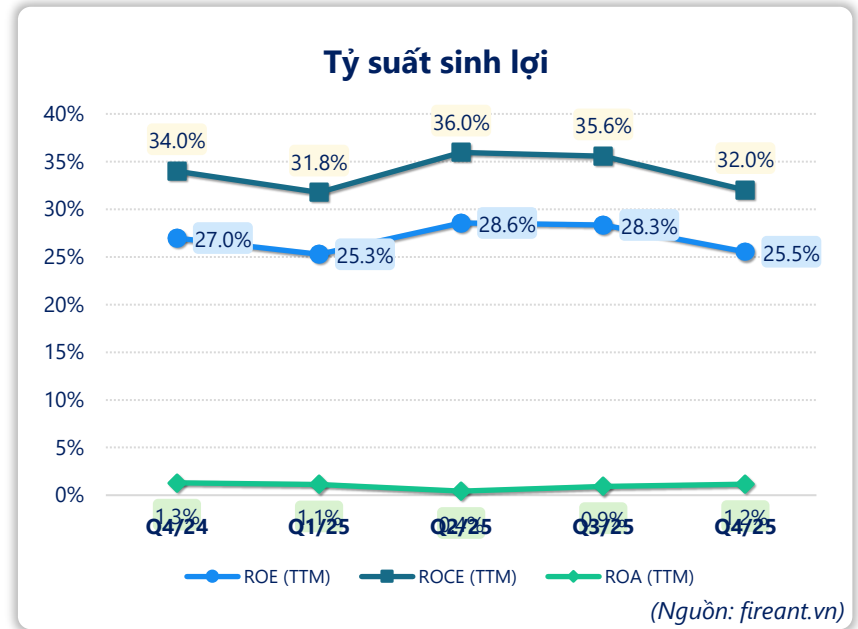
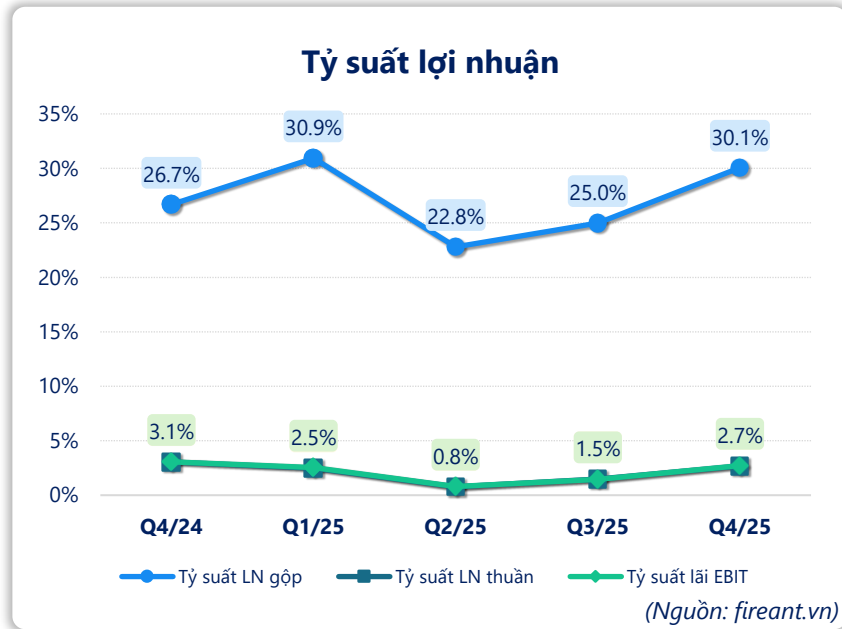
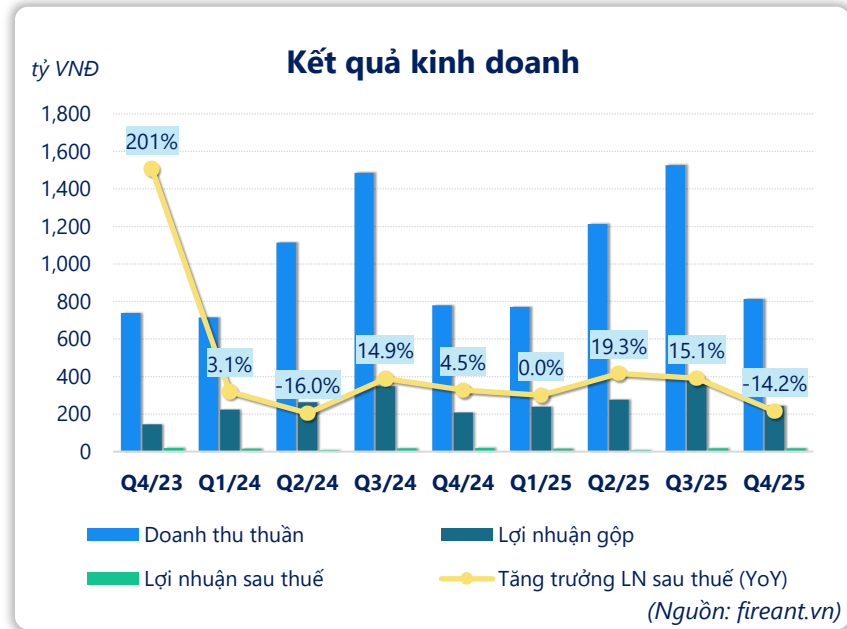


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		40,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,531
SL cổ phiếu LH		12,751,462
KLGD BQ 20 phiên (CP)		60
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		510
P/E		8.7
EPS		4,604

	YTD	1T	3T	6T
FHS	25.4%	10.5%	11.1%	36.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,594	1,497	6.5%
Tài sản ngắn hạn	1,519	1,424	6.7%
Tiền và tương đương tiền	109	98.0	11.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	402	375	7.0%
Phải thu ngắn hạn	134	139	-3.3%
Hàng tồn kho	867	809	7.2%
Tài sản ngắn hạn khác	7.14	3.05	134%
Tài sản dài hạn	74.9	72.9	2.7%
Phải thu dài hạn	37.0	30.8	20.1%
Tài sản cố định	37.2	40.7	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.70	1.43	-51.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,356	1,275	6.4%
Nợ ngắn hạn	1,355	1,275	6.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,187	1,125	5.6%
Nợ dài hạn	0.85	0.57	48.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	238	222	7.2%
Vốn chủ sở hữu	238	222	7.2%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	780	772	1,212	1,527	814
Giá vốn hàng bán	572	533	936	1,145	569
Lợi nhuận gộp	208	239	276	382	245
Doanh thu HĐTC	7.20	7.51	2.92	7.19	3.18
Chi phí TC	0.09	0.07	0.08	0.07	0.35
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	177	205	237	322	205
Chi phí QLDN	14.1	22.6	33.1	44.5	20.9
LN thuần từ HĐKD	23.8	19.0	9.38	22.6	22.0
Lợi nhuận khác	0.11	0.59	0.31	-0.22	0.17
LN trước thuế	23.9	19.6	9.70	22.4	22.1
Lợi nhuận sau thuế	18.8	15.8	7.65	17.9	17.6
LNST của CĐ cty mẹ	19.0	15.8	7.59	17.6	17.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-122	-53.7	105	111	-126
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	108	0.38	-19.4	-107	126
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-15.3	-10.2	0
Tiền đầu kỳ	112	98.0	44.7	115	109
Lưu chuyển tiền thuần	-13.7	-53.3	70.6	-6.58	0.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	98.0	44.7	115	109	109

(Nguồn: fireant.vn)